

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ
DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG EFY-CA

Số:/HĐDL/CA/EFY-.....

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;
- Căn cứ Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;
- Căn cứ Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 09/05/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 130/2018/NĐ-CP;
- Căn cứ giấy phép cung cấp dịch vụ Chứng thực chữ ký số công cộng số 381/GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 16 tháng 12 năm 2024;
- Căn cứ vào chức năng và nhu cầu của Hai Bên.

Hôm nay, ngày ... tháng năm, tại trụ sở Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học EFY Việt Nam, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIN HỌC EFY VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở: Tầng 9, Tòa nhà Sannam, số 78 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 6287 2290 Email: contact@efy.com.vn

Tài khoản: 08611 0001 6888 tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Chi nhánh Ba Đình, Hà Nội

Mã số thuế: 0102519041

Người đại diện: Ông **Hoàng Văn Thuận**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

BÊN B:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Email:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Người đại diện: Chức vụ:

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1. Thông tin chung:

- Loại chứng thư số mà Đại lý được phép tham gia cung cấp: Chứng thư số cá nhân, doanh nghiệp.
- Các bước trong quy trình cấp chứng thư số của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng mà đại lý được thực hiện: Theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

2. Hình thức đại lý:

- Bên B hợp tác làm đại lý phân phối sản phẩm, dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng EFY-CA cho Bên A. Danh mục sản phẩm, dịch vụ và giá niêm yết bán lẻ được Bên A công bố trên website và thông báo bằng văn bản tới Bên B trong từng thời kỳ.
- Bên B thực hiện việc chăm sóc các thuê bao EFY-CA do Bên B phát triển, gồm các nội dung như sau:
Thu hồ sơ thuê bao; xác minh thông tin thuê bao; cài đặt và hướng dẫn dịch vụ; hỗ trợ và chăm sóc thuê bao trong quá trình sử dụng.

ĐIỀU 2. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- a) Tạm dừng, thu hồi chứng thư số của thuê bao khi phát hiện tài liệu, thông tin thuê bao chưa hợp lệ, không chính xác, không trung thực.
- b) Tạm dừng cấp chứng thư số mới cho thuê bao khi phát hiện các sai sót trong hệ thống cung cấp dịch vụ của mình có thể làm ảnh hưởng đến quyền lợi của thuê bao và người nhận.
- c) Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo điều kiện hoạt động của đại lý dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng:
 - Là thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.
 - Có địa chỉ cụ thể trụ sở giao dịch.
 - Có hợp đồng đại lý với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.
- d) Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát đại lý dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng:
 - Hướng dẫn đầy đủ hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp chứng thư số cho thuê bao.
 - Niêm yết công khai quy trình cấp chứng thư số tại trụ sở đại lý.
 - Bảo đảm kênh thông tin 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần để tiếp nhận yêu cầu từ thuê bao.
- e) Chịu trách nhiệm pháp lý về việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo quy định.
- f) Cung cấp thiết bị Token theo nhu cầu kinh doanh và tương ứng với giá trị ký quỹ của Bên B.
- g) Cung cấp tài khoản Hệ thống quản lý bán hàng (nếu có), đào tạo nghiệp vụ và hỗ trợ Bên B trong quá trình cung cấp dịch vụ.
- h) Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ thuê bao, thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo quy định của pháp luật và thỏa thuận của các Bên tại Hợp đồng này.
- i) Đơn phương tạm dừng hoặc chấm dứt Hợp đồng khi Bên B vi phạm các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng này hoặc các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước. Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ít nhất 03 ngày trước ngày dự định tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- a) Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đại lý theo quy định của pháp luật về thương mại.
- b) Hướng dẫn đầy đủ hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp chứng thư số cho thuê bao.
- c) Niêm yết công khai quy trình cấp chứng thư số tại trụ sở đại lý.
- d) Bảo đảm kênh thông tin 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần để tiếp nhận yêu cầu từ thuê bao.
- e) Chịu trách nhiệm báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan chức năng nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về dịch vụ chứng thực chữ ký số.
- f) Bàn giao sản phẩm, cài đặt và hỗ trợ thuê bao trong quá trình sử dụng dịch vụ. Đảm bảo chất lượng dịch vụ, thương hiệu và uy tín của Bên A. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai các hoạt động bán hàng tới các đối tượng thuê bao của mình.
- g) Bên B ký hợp đồng bán hàng và xuất hóa đơn Giá trị gia tăng cho thuê bao.
- h) Tổng hợp đầy đủ hồ sơ của thuê bao theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Chuyển toàn bộ hồ sơ hợp lệ và thanh toán đầy đủ, đúng hạn chi phí cho Bên A theo quy định của Hợp đồng này.
- i) Tuân thủ nghiêm túc quy định về quy trình cung cấp dịch vụ của Nhà cung cấp. Tuân thủ quy định về phối hợp cung cấp dịch vụ giữa Hai Bên (Phụ lục 1), quy định về đối soát và thanh toán (Phụ lục 3).
- j) Quản lý và bảo mật tài khoản truy cập Hệ thống quản lý bán hàng (nếu được Bên A cung cấp). Không tự ý bê khóa, chỉnh sửa các phần mềm được cung cấp.
- k) Tiếp nhận và xử lý các khiếu nại, ý kiến phản hồi của thuê bao. Chuyển tiếp các khiếu nại và ý kiến phản hồi này cho Bên A trong trường hợp cần được Bên A hỗ trợ, giải quyết.
- l) Được hưởng chính sách giá và phương thức thanh toán dành cho Đại lý.
- m) Được tham gia các chương trình khuyến mại, khuyến khích bán hàng của Bên A. Phối hợp với Bên A thực hiện triển khai các đợt khuyến mãi, chăm sóc thuê bao tùy theo từng chương trình cụ thể do Hai Bên thỏa thuận.

- n) Được yêu cầu Bên A cung cấp các tài liệu về sản phẩm, quy trình, quy định có liên quan đến quá trình cung cấp dịch vụ EFY-CA.
- o) Được yêu cầu Bên A tổ chức đào tạo, hướng dẫn và hỗ trợ giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ chứng thực chữ ký số EFY-CA.

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN GIỮA BÊN A VÀ BÊN B

1. Bên B được hưởng chính sách giá dành cho Đại lý theo quy định tại Phụ lục 2 của Hợp đồng này.
2. Thuê bao dịch vụ do Bên B phát triển chỉ được coi là hợp lệ khi có đầy đủ các yếu tố sau:
 - Có đủ các giấy tờ cần thiết trong hồ sơ thuê bao theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này;
 - Các thông tin trên hồ sơ của thuê bao được xác minh là chính xác.
3. Phương thức giao nhận thiết bị Token: Để nhập thiết bị Token phục vụ bán hàng, Bên B đặt cọc một khoản tiền tương ứng với giá trị lô Token tại thời điểm giao nhận. Số tiền đặt cọc sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B sau khi chốt đối soát hàng tháng và trừ đi các khoản Bên B còn nợ Bên A (nếu có).
4. Các chính sách khuyến mại bán hàng triển khai theo chương trình cụ thể của Bên A và sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ít nhất 05 ngày trước khi áp dụng chương trình.
5. Phương thức đối soát và thanh toán: Định kỳ hàng tháng, Hai Bên sẽ tiến hành đối soát danh sách thuê bao hợp lệ và chốt công nợ thanh toán của tháng, chi tiết quy định tại Phụ lục 3 của Hợp đồng này. Danh sách đối soát trên được xuất ra từ Hệ thống quản lý bán hàng (<https://tms.efyca.vn/RegistrationAuthority/Login.jsp>) của Bên A và được Hai Bên thống nhất, ký xác nhận bằng văn bản điện tử.
6. Chính sách đối với thuê bao gia hạn: Bên B được quyền ưu tiên gia hạn dịch vụ chữ ký số EFY-CA đối với các thuê bao do Bên B đã phát triển được. Đồng thời, Bên B cam kết không chuyển gia hạn các thuê bao EFY-CA qua Nhà cung cấp khác.
7. Phương thức quản lý tài khoản trong Hệ thống quản lý bán hàng dành cho các đại lý:
 - Bên B được Bên A cấp tài khoản đăng nhập (người dùng/mật khẩu hoặc Token Admin) để truy cập Hệ thống quản lý bán hàng. Để phục vụ cho việc thanh toán và bán hàng, Bên B còn có tài khoản nạp tiền (trả trước) và tài khoản công nợ tháng (trả sau). Khi Bên B bán hàng, Hệ thống quản lý bán hàng sẽ trừ dần phí mua sản phẩm vào các tài khoản này, ưu tiên trừ vào tài khoản nạp tiền trước rồi đến tài khoản công nợ tháng.
 - Tài khoản nạp tiền: Được thiết lập bằng các khoản tiền thanh toán trước mà Bên B đã thanh toán cho Bên A (bằng phương thức chuyển khoản, thanh toán trực tuyến hoặc tiền mặt). Tài khoản này sẽ bị trừ dần theo giá trị từng đơn hàng dịch vụ mà Bên B bán cho thuê bao. Nếu tài khoản không thể tiếp tục trừ được nữa thì Bên B cần nạp thêm vào tài khoản để được tiếp tục bán hàng.
 - Tài khoản công nợ tháng: là khoản tiền dịch vụ trả sau mà Bên B được phép thanh toán vào cuối tháng. Tài khoản này với hạn mức công nợ trả sau cụ thể dành riêng cho từng đại lý, chỉ có giá trị sử dụng trong thời hạn tháng được Bên A cấp. Khi hết tháng sử dụng hoặc đã dùng hết hạn mức công nợ, Bên B cần thanh toán cho Bên A toàn bộ công nợ đang có trước khi Bên A cấp thêm hạn mức công nợ mới cho Bên B. Tài khoản này khi Bên B sử dụng bán hàng cũng bị trừ dần theo từng đơn hàng dịch vụ (số liệu được ghi nhận tự động trong Hệ thống quản lý bán hàng).
 - Định kỳ hàng tháng, Bên A sẽ xem xét cấp lại hạn mức công nợ trả sau cho Bên B tùy theo nhu cầu của Bên B và mức đánh giá hệ số tín nhiệm của Bên B (dựa trên tinh thần hợp tác, mức độ tuân thủ thực hiện các thủ tục, quy định Hợp đồng này). Hạn mức công nợ sau khi cấp sẽ được Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản và cập nhật trong Hệ thống quản lý bán hàng.

ĐIỀU 4. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký. Nếu hết thời hạn trên mà Hai Bên không có thêm ý kiến bổ sung, sửa đổi thì hợp đồng tự động được gia hạn cho năm tiếp theo.
2. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - Hai Bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng;
 - Theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.
3. Hợp đồng tự động chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Bên B phát sinh dưới 10 thuê bao/tháng liên tục trong vòng 3 tháng;
 - Khi một trong hai bên vi phạm các điều khoản của Hợp đồng.
4. Việc chấm dứt hợp đồng chỉ được xem là hoàn tất sau khi Hai Bên đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán công nợ và hoàn tất hồ sơ thuê bao theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

1. Cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật trong giao dịch điện tử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, đình chỉ hoạt động, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Các bên có thể giải quyết tranh chấp trong giao dịch điện tử thông qua hòa giải theo quy định tại Luật giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Các điều khoản được quy định tại hợp đồng này là các quy định chung nhất để Hai Bên tiến hành thực hiện các hoạt động hợp tác kinh doanh trên cơ sở tuân thủ Luật pháp, các quy định, quy chế của Nhà nước và của các đơn vị chủ quản.
2. Trong trường hợp có thay đổi về quy định dịch vụ, chính sách bán hàng và nội dung hợp tác, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B. Các văn bản này có giá trị pháp lý áp dụng bổ sung, thay thế quy định đã ban hành trước đó hoặc các quy định đã có trong Hợp đồng này và cũng được xem là phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
3. Hai Bên cam kết giữ bí mật thông tin của Hợp đồng này và các thông tin về thị trường, thuê bao, doanh thu của Bên đối tác. Cam kết không cung cấp toàn văn Hợp đồng này hoặc một phần nội dung Hợp đồng cho Bên thứ 3 dưới mọi hình thức mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại.
4. Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này và theo các quy định của pháp luật. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường tổn thất cho Bên còn lại do việc vi phạm gây ra và chịu mọi trách nhiệm liên quan theo quy định của pháp luật.
5. Mọi tranh chấp phát sinh được giải quyết trên tinh thần thương lượng, hoà giải giữa Hai Bên. Trong trường hợp không thể thương lượng được thì sẽ giải quyết tại Toà án kinh tế nơi Bên A đóng trụ sở. Phán quyết của Toà án là cuối cùng và các bên phải có nghĩa vụ thi hành. Mọi chi phí phát sinh bên thua kiện chịu trách nhiệm chi trả.

Hợp đồng này được ký số làm căn cứ để 2 bên thực hiện. Hợp đồng ký số có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng giấy đã ký đóng dấu.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**

ĐẠI DIỆN BÊN B

Hoàng Văn Thuận